TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 908/2025/DS-PT
Ngày 14-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa

Bà Trần Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS–ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2025/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P1.

Địa chỉ: Tòa nhà T, số A, đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1996 và/ hoặc ông Dương Đức L; cùng địa chỉ liên hệ: số B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 10/4/2025), ông M có mặt, ông L vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Ánh C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: tổ D, khu phố D, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là

phường V, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1987; Địa chỉ: tổ F, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp); địa chỉ hiện tại: Đường Đ, tổ D, khu phố D. phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Trần Bảo A, sinh năm 1998; địa chỉ liên hệ: số F N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2024), có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Ánh C, ông Nguyễn Hoàng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 với bà Nguyễn Ánh C, ông Nguyễn Hoàng P đã thỏa thuận ký kết các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ để vay vốn tại Ngân hàng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0010/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021 và Khế ước nhận nợ số 0010.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 18/01/2021: Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua sắm thiết bị gia đình; Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 10,5%. Từ tháng thứ 04 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 18/04/2021 theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1): là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Tổng giám đốc ban hành từng thời kỳ; Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 3,9%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 0009/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021 và Khế ước nhận nợ số 0009.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 18/01/2021: Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua bất động sản; Thời hạn vay: 240 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 10%năm. Từ tháng thứ 4 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 18/04/2021 với công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1): là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ; Biên độ tối thiểu (2): 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 0030/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 04/02/2021 và Khế ước nhận nợ số 0030.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 05/02/2021: Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua sắm thiết bị gia đình; Thời hạn vay: 240 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 10%. Từ tháng thứ 04 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay

điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 05/05/2021 theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1): là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Tổng giám đốc ban hành từng thời kỳ; Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: Quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số: 907; tờ bản đồ số: 22; địa chỉ: phường V, Thành Phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 242946, số vào sổ cấp GCN: CS16691 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 26/08/2020. Quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số: 2016, 2017, 1603, 1604; tờ bản đồ: 21,22, địa chỉ: phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 242945, số vào sổ cấp GCN: CS16690 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/08/2020. Quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số: 599; tờ bản đồ: 46, địa chỉ: xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 368942, số vào sổ cấp GCN: CH05470 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 08/01/2018. Tài sản bảo đảm trên đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0008/2021/BĐ ngày 14/01/2021, số 0049/2021/BĐ ngày 04/02/2021 đã được ký kết giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Ánh C tại Văn phòng C1, tỉnh Bình Dương, số công chứng 562, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Ánh C và ông Nguyễn Hoàng P đã tất toán đối với Hợp đồng tín dụng số 0009/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021 với số tiền vay 500.000.000 đồng. Giữa Ngân hàng và ông P, bà C thống nhất giải chấp đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 599; tờ bản đồ: 46, địa chỉ: xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Hiện ông C, bà P chỉ còn khoản nợ của các Hợp đồng tín dụng số 0010/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021, Hợp đồng tín dụng số 0030/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 04/02/2021. Ông P, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong các Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ nêu trên đã được ký kết với Ngân hàng.

Tổng dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 0010/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021 và Hợp đồng tín dụng số 0030/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 04/02/2021 tạm tính đến ngày 09/3/2024 là 1.743.768.728 đồng, (gồm có nợ gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 154.706.065 đồng);

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay bà Nguyễn Ánh C và ông Nguyễn Hoàng P vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, bà Nguyễn Ánh C, ông Nguyễn Hoàng P đã vi phạm cam kết,

nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng/các Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết: yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Ánh C thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số tiền tính đến ngày 09/3/2024 là 1.743.768.728 đồng, (gồm có nợ gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 154.706.065 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Ánh C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- *Bị đơn trình bày:*

Thống nhất về thời gian, nội dung hợp đồng tín dụng như nguyên đơn đã trình bày. Ông P, bà C có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tổng số tiền 1.500.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng tín dụng số 0010/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021, số 0009/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021. Ông P, bà C đã được giải ngân đủ số tiền vay và đã xác nhận tại khế ước nhận nợ. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông P, bà C đã thế chấp quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2016, 2017, 1603, 1604, 907, tờ bản đồ: 21, 22, tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho Ngân hàng.

Ông P, bà C đồng ý việc có vay vốn và đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa chính xác nên đề nghị phía Ngân hàng xem xét lại số tiền nợ gốc và lãi chính xác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Ánh C thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số tiền tính đến ngày 09/3/2024 là 1.743.768.728 đồng, (gồm có nợ gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 154.706.065 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Ánh C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận việc có ký kết hợp đồng tín dụng, vay vốn như nguyên đơn trình bày nhưng yêu cầu phía nguyên đơn tính toán lại chính xác số tiền bị đơn còn nợ, số tiền bị đơn đã thanh toán.

Bản án sơ thẩm số 41/2024/KDTM – ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Ánh C về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Ánh C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số tiền 1.743.768.728 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), (gồm có nợ gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 154.706.065 đồng).

Kể từ ngày 10/3/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Ánh C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Ánh C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trên thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 907; tờ bản đồ số 22, tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 242946, số vào sổ cấp GCN: CS16691 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/8/2020 mang tên bà Nguyễn Ánh C. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2016, 2017, 1603, 1604, tờ bản đồ 21, 22, tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 242945, số vào sổ cấp GCN: CS16690 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/8/2020 mang tên bà Nguyễn Ánh C để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 28/4/2025, bị đơn ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Ánh C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ, không làm rõ số nợ của bị đơn.

Nguyên đơn: Không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ xác định số nợ nhưng có mâu thuẫn, không làm rõ được số nợ gốc, lãi nên không có cơ sở để xét xử.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất việc ký kết các Hợp đồng tín dụng số 0010/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng, số 0009/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021 với số tiền vay 500.000.000 đồng, số 0030/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 04/02/2021 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng. Đại diện bị đơn thừa nhận ông P, bà C đã nhận nợ theo các Khế ước nhận nợ số 0010.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 18/01/2021, số 0009.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 18/01/2021, số 0030.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 05/02/2021. Quá trình vay, ông P, bà C đã tất toán được Hợp đồng tín dụng số 0009/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 14/01/2021 với số tiền vay 500.000.000đồng. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Bị đơn không thống nhất với nguyên đơn về số tiền đã trả nợ, lãi và yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm do thu thập các chứng cứ này không đầy đủ, có mâu thuẫn.

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ tạm tính đến ngày 09/3/2023 gồm có nợ gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 154.706.065 đồng, tổng số tiền là 1.743.768.728 đồng. Toà án cấp sơ thẩm có Thông báo số 148/TB-TLVA ngày 07/5/2024 thụ lý theo yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn có nhiều Bản tự khai, ý kiến yêu cầu bị đơn thanh toán nợ với số tiền khác nhau bao gồm: Biên bản hoà giải ngày 07/11/2024 Bút lục 199-200), nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 07/11/2024 với số tiền gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 294.296.270 đồng, tổng số tiền là 1.883.358.933 đồng; Bản tự khai ngày 20/01/2025 (bút lục 162, 163) yêu cầu bị đơn trả nợ đến ngày 20/02/2025 gồm gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 338.870.665 đồng, tổng số tiền là 1.927.933.328 đồng; Bản tự khai ngày 16/4/2025 (bút lục 222) yêu cầu bị đơn trả nợ đến ngày 19/01/2025 gồm gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ lãi là 391.205.111 đồng, tổng số tiền là 1.980.267.774 đồng. Đại diện nguyên đơn cho rằng số tiền lãi nêu trên bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt nhưng chỉ ghi số tiền lãi tổng cộng, chưa cung cấp chi tiết số tiền lãi. Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu phải làm rõ từng khoản tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt mà bị đơn

phải trả cho đến khi xét xử vì số tiền nợ trong bản án sơ thẩm nguyên đơn tính không đúng, tính lãi phạt không phù hợp trong khi nguyên đơn đã thanh toán một phần nợ gốc.

Xét số nợ nêu trên do nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nêu trên là theo từng thời điểm giải quyết của vụ án nhưng Toà án cấp sơ thẩm không làm rõ nghĩa vụ mà bị đơn phải trả vào thời điểm xét xử mà giải quyết theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn là không giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn và không làm rõ được chi tiết số tiền lãi (bao nhiêu lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt) trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn kháng cáo là có cơ sở chấp nhận.

[2] Theo Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn ngày 04/3/2024, Ngân hàng xác định số nợ của ông P, bà C tạm tính đến ngày 03/03/2024 gồm gốc là 1.589.062.663 đồng, nợ gốc quá hạn là 50.362.663 đồng, nợ lãi quá hạn là 139.998.465 đồng. Tuy nhiên, theo bản Lịch sử trả nợ thực tế do đại diện nguyên đơn cung cấp tại Phiên toà phúc thẩm thể hiện sau ngày 03/03/2024 bị đơn có trả thêm 06 lần tiền lãi vào các ngày 10/3/2023, 12/4/2023, 13/6/2023, 01/8/2023/ 29/8/2023 và 27/11/2023 với tổng số tiền lãi đã trả là 61.824.549 đồng và lãi phạt là 1.748.920 đồng. Bị đơn kháng cáo cho rằng đã đóng số tiền trên nhưng nguyên đơn không khấu trừ lại tiền lãi đã trả. Đây là tình tiết phát sinh tại phiên toà phúc thẩm nhưng các bên đương sự không thống nhất, đại diện nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ làm rõ nên Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được tại phiên toà nên cần hủy bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ làm rõ mâu thuẫn này.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, hội đồng xét xử đã tạo điều kiện để đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn kiểm tra, đối chiếu nợ gốc, lãi giữa hai bên nhưng đại diện nguyên đơn trình bày do hệ thống chỉ tính toán tự động được số liệu gốc và từng loại tiền lãi đến hiện nay mà không truy xuất ngược lại vào ngày 09/3/2025 như bản án sơ thẩm được. Bị đơn kháng cáo không đồng ý cách tính gốc, lãi của nguyên đơn, không nêu rõ từng loại lãi, phạt. Xét các đương sự không thống nhất được số nợ gốc và từng loại tiền lãi mà bị đơn phải trả, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên cần hủy bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ làm rõ nghĩa vụ mà bị đơn phải thanh toán tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn có căn cứ chấp nhận, quan điểm kháng nghị Viện kiểm sát đề nghị huỷ bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự: Bị đơn không phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 308, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ánh C, ông Nguyễn Hoàng P.

II. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/KDTM-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Toà án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Ánh C, ông Nguyễn Hoàng P không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ánh C, ông Nguyễn Hoàng P tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002667 ngày 20/5/2025 và 0002710 ngày 28/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Tân Uyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17;
- TAND khu vực 17;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp; Tòa Dân sự. (94)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Dũng